TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST.
Ngày: 06/3/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Ngọc Phượng.

Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Nam K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 9 năm 1998 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Tổ 3, phường Nguyễn T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Giáng S và bà Ngô Thị Thúy H; tiền án: 0, tiền sự: 0. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum từ ngày 04/8/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ Nguyễn Quang H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1998 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Tổ 3, phường Nguyễn T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị D; tiền án: 0, tiền sự: 0. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum từ ngày 04/8/2018 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1/ Bà Ngô Thị Thủy L, sinh năm 1961. (Có mặt).

2/ Chị Lê Tú H, sinh năm 1996. (Vắng mặt; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường Nguyễn T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Trần Thị M, sinh năm 1989. (Vắng mặt; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 03 Võ Nguyên G, phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

2/ Anh Trần Duy T, sinh năm 1984. (Vắng mặt; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 170 Hai Bà T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

3/ Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1965. (Có mặt).

4/ Bà Ngô Thị Thúy H, sinh năm 1974. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 3, phường Nguyễn T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 08/01/2018 đến ngày 03/8/2018, các bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Nam K đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tổ 3, phường Nguyễn T, thành phố Kon T. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 08/01/2018, bị cáo Nguyễn Nam K rủ bị cáo Nguyễn Quang H đến nhà bà Ngô Thị Thủy L để trộm cắp tài sản. Bị cáo H đồng ý. Trước khi đi, bị cáo K cầm 01 xà beng, bị cáo H cầm 01 cái đục để làm dụng cụ đục két sắt. Các bị cáo đi bộ đến nhà bà L. Đến nơi, bị cáo K đứng ngoài đường còn bị cáo H mang theo xà beng và đục, leo qua bờ tường vào trong nhà bà L. Đến phòng ngủ của bà L, bị cáo H đục két sắt thấy có tiền, vàng nên lấy và bỏ vào túi áo. Bị cáo H tiếp tục đi qua phòng ngủ kế bên, lục lọi thì phát hiện trong tủ đựng đồ nhựa có số tiền 4.800.000 đồng nên lấy bỏ vào túi áo. Sau đó, bị cáo H leo qua bờ tường ra ngoài. Các bị cáo cùng đi về nhà bị cáo K . Các bị cáo K và H đếm được số tiền tổng cộng là 33.800.000 đồng; trang sức gồm có: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, có gắn 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, gắn đá màu xanh; 01 lắc đeo tay bằng kim loại, màu vàng; 01 còng đeo tay bằng kim loại, màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu

vàng, có gắn đá màu đỏ; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn đá màu xanh; 01 nhẫn bằng ngà voi, màu trắng.

Đối với số tiền 33.800.000 đồng, bị cáo K giữ lại số tiền là 21.800.000 đồng và chia cho bị cáo H số tiền là 12.000.000 đồng. Các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Đến ngày 09/01/2018, bị cáo K đem số trang sức trộm cắp được đi xe ô tô khách (chưa rõ hãng xe và người điều khiển xe ô tô) đến thành phố Đà N nhờ S (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở đi bán được số tiền là 10.400.000 đồng. Bị cáo K giữ lại số tiền là 7.400.000 đồng và chia cho bị cáo H số tiền là 3.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 57/ĐG-TS ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng gắn đá màu xanh (vàng nữ trang 18K), tổng trọng lượng 3,5 chỉ, có giá trị là 9.450.000 đồng; 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (vàng nữ trang 18K) trọng lượng 04 chỉ, có giá trị là 10.800.000 đồng; 01 còng đeo tay bằng kim loại màu vàng (vàng nữ trang 24K) trọng lượng 02 chỉ, có giá trị là 7.200.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn đá màu đỏ (vàng nữ trang 18K), trọng lượng 01 chỉ, có giá trị là 2.700.000 đồng, 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn đá màu xanh (vàng nữ trang 24K) trọng lượng 01 chỉ, có giá trị là 3.600.000 đồng. Đối với 01 chiếc nhẫn bằng ngà voi, màu trắng (không rõ kích thước) nên không xác định được giá trị cụ thể. Giá trị tổng cộng của số vàng bị trộm cắp là **33.750.000 đồng.**

Lần thứ 2: Vào khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 03/8/2018, bị cáo K rủ bị cáo H đến nhà bà Ngô Thị Thủy L tiếp tục trộm cắp tài sản. Bị cáo H đồng ý. Các bị cáo đi bộ đến nhà bà L. Đến nơi, thấy không có ai ở nhà nên bị cáo K đứng ngoài cảnh giới, bị cáo H đi vòng ra sau nhà bà L, trèo qua bờ tường vào nhà. Bị cáo H đi cửa sau, đến phòng ngủ của bà L thì phát hiện có 01 máy vi tính xách tay, nhãn hiệu DELL, màu đen. Bị cáo K tiếp tục đi qua phòng ngủ kế bên thì phát hiện 01 máy vi tính xách tay, nhãn hiệu ACER, màu đen và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J3, màu vàng đồng. Bị cáo K cho tất cả vào bao tải rồi trèo ra ngoài.

Sau đó, các bị cáo đem số tài sản đi cất giấu tại vườn mía gần nhà bị cáo H. Đến khoảng 13 giờ 00 phút, cùng ngày, bị cáo K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82B1 – 104.88 chở bị cáo H đến cửa hàng di động Bảo A. Tại đây, các bị cáo đã bán cho chị Trần Thị M (chủ cửa hàng) toàn bộ tài sản đã trộm cắp (gồm 02 máy vi tính xách tay và 01 chiếc điện thoại di động) với giá là 3.400.000 đồng. Sau khi mua được số tài sản trên, chị M đã bán lại cho anh Trần Duy T với giá 4.900.000 đồng.

Đối với số tiền bán được máy tính và điện thoại, các bị cáo đã chia nhau mỗi người 1.700.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút, cùng ngày, các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H đã bị Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum bắt giữ.

Tại Kết luận định giá số 55/ĐG-TS ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum thể hiện: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu DELL, màu đen, 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ACER, màu đen; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J3, màu vàng đồng có giá trị tổng cộng là **7.508.000 đồng.**

Cáo trạng số 09/CT-VKSTPKT ngày 28/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo Nguyễn Nam Kvà Nguyễn Quang H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Nam K từ 30 đến 36 tháng tù; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H từ 24 đến 30 tháng tù. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ ngày 08/01/2018 đến ngày 03/8/2018, các bị cáo Nguyễn Quang H và Nguyễn Nam K đã lợi dụng sơ hở của những người bị hại bà Ngô Thị Thủy L và chị Lê Tú H trong việc quản lý tài sản nên đã 02 lần trèo tường, vào nhà và trộm cắp tài sản. Các bị cáo H và K đã trộm cắp các tài sản, gồm có: số tiền 33.800.000 đồng, trang sức (gồm có: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng; 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, gắn đá màu xanh; 01 lắc đeo tay bằng kim loại, màu vàng; 01 còng đeo tay bằng kim loại, màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng, có gắn đá màu đỏ; 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng, có gắn đá màu xanh; 01 nhẫn bằng ngà voi, màu trắng; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu DELL, màu đen; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ACER, màu đen và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J3, màu

vàng đồng. Giá trị tổng cộng của các tài sản mà các bị cáo H và Kha đã trộm cắp là **75.058.000 đồng.**

[2] Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H đã phạm vào tội *"trộm cắp tài sản",* thuộc trường hợp *"chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKSTPKT ngày 28/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã truy tố các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kon Tum. Việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử nhằm tuyên truyền pháp luật và răn đe, phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm hiện nay là cần thiết.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H phạm tội 02 lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trước khi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình. Riêng bị cáo Nguyễn Quang H đã tác động cha ruột là ông Nguyễn Kim H bồi thường cho bị hại bà Ngô Thị Thủy L số tiền là 23.100.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo H khi lượng hình. Tại phiên tòa, bị hại bà Ngô Thị Thủy L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo K và H. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 cần áp dụng cho các bị cáo K và H khi lượng hình.

[6] Từ những phân tích trên, thấy rằng, đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Nam K là người rủ rê, khởi xướng, thực hiện cùng với bị cáo Nguyễn Quang H. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[7] Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H đã 02 lần thực hiện hành vi *"trộm cắp tài sản"* với cùng thủ đoạn, cách thức và bị hại với lỗi cố ý. Điều đó cho thấy các bị cáo có bản chất

lười lao động, thích hưởng thụ, trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Nguyễn Nam Kcòn có quan hệ họ hàng, thân thích với bị hại. Điều đó thể hiện sự táo tợn, bất chấp mọi thủ đoạn nhằm trộm cắp tài sản, có tiền tiêu xài của bị cáo K. Thấy rằng, các bị cáo chưa nhận thức được lỗi lầm của bản thân để phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện, trở thành người có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần thiết phải cách ly các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian với mức án nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng quy định của pháp luật.

[8] Ngoài ra, trong vụ án này còn có chị Trần Thị M và anh Trần Duy T là những người đã mua 02 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động (là tài sản do các bị cáo đã trộm cắp mà có). Tuy nhiên, chị M và anh T hoàn toàn không biết đây là tài sản có được do các bị cáo phạm tội mà có. Do đó, cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum không đưa ra hình thức xử lý đối với chị M và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với đối tượng *"S"* (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người đã chở bị cáo Nguyễn Nam K đi bán tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, do chưa rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum sẽ tiếp tục điều tra, có cơ sở sẽ xử lý sau.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại bà Ngô Thị Thủy L yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền tổng cộng là 70.550.000 đồng (Trong đó, giá trị tài sản đã trộm cắp là 67.550.000 đồng; giá trị 01 chiếc két sắt bị hư hỏng do đục, phá là 3.000.000 đồng). Riêng bị cáo Nguyễn Quang H đã tác động bố đẻ là ông Nguyễn Kim H bồi thường cho bà L số tiền 23.100.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu các bị cáo K và H tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 70.550.000 đồng - 23.100.000 đồng = **47.450.000 đồng.** Các bị cáo đồng ý bồi thường như yêu cầu của bà L. Tại phiên tòa, các bị cáo đã thỏa thuận như sau: Bị cáo H đã bồi thường cho bà L số tiền là 23.100.000 đồng; nay, bị cáo H đồng ý tiếp tục bồi thường cho bà L số tiền là 5.000.000 đồng. Bị cáo K đồng ý bồi thường cho bà L số tiền còn lại là 47.450.000 đồng – 5.000.000 đồng = 42.450.000 đồng. Bị hại bà Ngô Thị Thủy L thống nhất với thỏa thuận bồi thường của các bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

+ Bị hại chị Lê Tú H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Ông Nguyễn Kim H không yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 23.100.000 đã bồi thường cho bà L và số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum để đảm bảo thi hành án.

+ Bà Ngô Thị Thúy H không yêu cầu bị cáo K trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum để đảm bảo thi hành án.

+ Chị Trần Thị M là người mua 02 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động mà các bị cáo đã trộm cắp với số tiền là 3.400.000 đồng. Chị M đã nhận lại số tiền là 3.290.000 đồng (Do cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum thu được trên người các bị cáo; là tiền có được do bán 02 máy tính xách tay và 01 điện thoại nêu trên) và không yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh Trần Duy T là người mua lại 02 máy tính xách tay và 01 điện thoại di động từ chị Trần Thị M với số tiền là 4.900.000 đồng. Chị M đã trả lại cho anh T đủ số tiền trên nên anh T không yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về vật chứng:

+ Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum đã thu giữ và trả lại cho chị Lê Tú H các tài sản bị trộm cắp, gồm có: 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu DELL, màu đen; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu ACER, màu đen, 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Chị H đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 104.88 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Kim H (bố của bị cáo H). Ông H hoàn toàn không biết việc bị cáo H sử dụng chiếc xe này làm phương tiện để vận chuyển tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Do đó, cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kon Tum đã trả lại cho ông H là phù hợp với quy định pháp luật. Ông Hoàng đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu gì thêm.

+ Đối với 01 két sắt bị cạy phá hư hỏng, có kích thước (55 x 40 x 70) cm, phần cửa chính bị cạy bung, trên mép cửa lề két sắt có nhiều dấu vết cạy cửa là tài sản của bà Ngô Thị Thủy L. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã trả lại cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà L đã yêu cầu các bị cáo bồi thường về mặt dân sự đối với tài sản này.

+ Đối với số tiền 3.290.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H là tiền có được là do bán 02 máy tính xách tay và 01 chiếc điện thoại di động đã trộm cắp của chị Lê Tú H cho chị Trần Thị M. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum đã trả lại cho chị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 xà beng, 01 cái đục và 01 bao tải mà các bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo đã vứt đi, không nhớ địa chỉ. Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Kon Tum không thu giữ được. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý.

+ Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H đã nộp thay cho mỗi bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng (tổng cộng 02 bị cáo là 10.000.000 đồng) để đảm bảo thi hành án. Các bị cáo, ông Nguyễn Kim H và bà Ngô Thị Thúy H đồng ý bảo lưu số tiền này để đảm bảo thi hành án. Do đó, cần tiếp tục bảo lưu số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự, thành phố Kon Tum để đảm bảo công tác thi hành án, bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Ngô Thị Thủy L.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nam K **30 (*Ba mươi)*** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 04/8/2018.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H **24 *(Hai mươi bốn)*** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam, ngày 04/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585 và 586 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Nam K phải bồi thường cho bị hại bà Ngô Thị Thủy L số tiền là **42.450.000 đồng** *(Bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Buộc bị cáo Nguyễn Quang H tiếp tục phải bồi thường cho bị hại bà Ngô Thị Thủy L số tiền là **5.000.000 đồng** *(Năm triệu đồng).*

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ngô Thị Thủy L có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Nguyễn Nam K, Nguyễn Quang H chậm trả số tiền nêu trên thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không

được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục bảo lưu số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000602 ngày 11/01/2019 (do ông Nguyễn Kim H nộp thay bị cáo Nguyễn Quang H) và số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000601 ngày 11/01/2019 (do bà Ngô Thị Thúy H nộp thay bị cáo Nguyễn Nam K), đều nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum để đảm bảo công tác thi hành án bồi thường thiệt hại cho bà Ngô Thị Thủy L.

Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21, 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Nam K và Nguyễn Quang H, mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Nam K phải chịu **2.122.500** đồng *(Hai triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Quang H phải chịu **300.000** đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/3/2019), các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Cơ quan CSĐT CA TP KonTum;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Văn Toàn